



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TIỀN LÃNG**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Tiên Lãng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Chủ tịch Công ty

Ông Nguyễn Thanh Hải

Ban Giám Đốc

Ông Nguyễn Thanh Hải

Giám đốc

Ông Phạm Văn Là

Phó Giám đốc

Bà Đặng Thị Đức

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Hương

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC-Chi nhánh Hà Nội.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Tiên Lãng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI TIỀN LĂNG

Thị trấn Tiên Lăng, huyện Tiên Lăng, TP Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thanh Hải

Chủ tịch kiêm Giám đốc

Tiên Lăng, ngày 22 tháng 03 năm 2018



Số: 26 /2018/AACHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Tiên Lãng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Tiên Lãng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 22/03/2018, từ trang 6 đến trang 24 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt và hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2017. Các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu của các khoản mục này trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 của Công ty.

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 6, Tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 04. 3224 2403 / 04. 6666 6369
Email: aac.hn@aac.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Công ty hiện đang theo dõi và hạch toán toàn bộ nguồn vốn Ngân sách cấp đầu tư tài sản cố định cho hoạt động công ích trên khoản mục "Vốn chủ sở hữu" mà chưa phản ánh trên khoản mục "Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định". Mặt khác, một số tài sản cố định được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới tiêu nước và máy bơm nước từ 8.000m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình chưa được Công ty phản ánh giá trị hao mòn hàng năm hoặc đã tăng/giảm trong năm nhưng chưa theo dõi được nguồn vốn tương ứng. Theo đó, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ý kiến về các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Tiên Lãng tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Hà Minh Long

Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số
1221-2018-010-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC-CHI NHÁNH HÀ NỘI
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Mai Bình Thanh

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số
2068-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98.390.394.866	7.037.313.881
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.310.563.346	6.289.593.431
1. Tiền	111		310.563.346	6.289.593.431
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	90.000.000.000	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		90.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.448.872.705	86.589.705
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	246.118.000	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.918.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	3.193.836.705	86.589.705
IV. Hàng tồn kho	140		564.480.618	573.908.726
1. Hàng tồn kho	141	7	564.480.618	573.908.726
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		66.478.197	87.222.019
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	66.478.197	87.222.019
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		119.789.554.866	112.376.107.199
II. Tài sản cố định	220		119.609.796.899	112.278.325.899
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	119.609.796.899	112.278.325.899
- Nguyên giá	222		139.687.901.907	130.863.004.907
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.078.105.008)	(18.584.679.008)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		104.126.383	4.126.383
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	104.126.383	4.126.383
VI. Tài sản dài hạn khác	260		75.631.584	93.654.917
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	75.631.584	93.654.917
TỔNG TÀI SẢN	270		218.179.949.732	119.413.421.080

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.717.950.436	2.719.907.696
I. Nợ ngắn hạn	310		3.717.950.436	2.719.907.696
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	51.319.655	28.654.549
4. Phải trả người lao động	314		-	206.400.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	11	3.102.156.611	1.402.153.306
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	62.688.743	65.550.588
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		501.785.427	1.017.149.253
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		214.461.999.296	116.693.513.384
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	214.265.649.579	113.583.788.667
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		214.083.462.671	113.469.161.671
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		182.186.908	114.626.996
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		182.186.908	114.626.996
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		196.349.717	3.109.724.717
Nguồn kinh phí	431		196.349.717	3.109.724.717
TỔNG NGUỒN VỐN	440		218.179.949.732	119.413.421.080



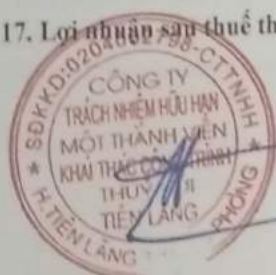
Nguyễn Thanh Hải
Chủ tịch kiêm Giám đốc
Tiên Lãng, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thùy Dung
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	26.727.045.541	27.534.000.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		26.727.045.541	27.534.000.000
4. Giá vốn hàng bán	11	16	27.908.184.438	25.659.449.583
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(1.181.138.897)	1.874.550.417
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	3.429.491.982	143.103.620
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.018.996.824	1.876.004.837
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		229.356.261	141.649.200
11. Thu nhập khác	31	18	5.207.964	1.634.545
12. Chi phí khác	32		5.464.472	-
13. Lợi nhuận khác	40		(256.508)	1.634.545
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		229.099.753	143.283.745
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	46.912.845	28.656.749
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		182.186.907	114.626.996



Nguyễn Thanh Hải
Chủ tịch kiêm Giám đốc
Tiền Lãng, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy Dung
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	26.511.805.964	27.535.600.000
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(12.529.962.427)	(11.334.377.640)
Tiền chi trả cho người lao động	3	(11.802.473.000)	(10.237.110.000)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(30.810.549)	(51.796.069)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	8.776.385.496	7.156.592.703
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(14.832.996.551)	(6.714.942.414)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.908.051.067)	6.353.966.580
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(810.596.000)	(724.718.000)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(90.000.000.000)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	239.616.982	143.103.620
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(90.570.979.018)	(581.614.380)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	92.500.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	92.500.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.979.030.085)	5.772.352.200
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 4	6.289.593.431	517.241.231
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 4	4.310.563.346	6.289.593.431



Nguyễn Thanh Hải
Chủ tịch kiêm Giám đốc
Tiên Lãng, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thùy Dung
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Tiên Lăng (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty TNHH Một thành viên được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty Khai thác Công trình thủy lợi Tiên Lăng theo Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 06/07/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0204002798 ngày 13/07/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Chủ sở hữu của Công ty là UBND Thành phố Hải Phòng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại khu 5, thị trấn Tiên Lăng, huyện Tiên Lăng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 106.000.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm lẻ sáu tỷ đồng). Theo Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 về việc phê duyệt điều chỉnh vốn điều lệ Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiên Lăng, số vốn điều lệ của Công ty là 246.000.000.000 đồng.

1.2. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2017 của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp;
- Sửa chữa, tu bổ công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp;
- Vận hành hệ thống công trình thủy lợi, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, các thành phần kinh tế khác và đời sống dân sinh;
- Bán buôn máy móc, nông cụ, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy lợi;
- Bán lẻ máy, nông cụ, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, thủy lợi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất, dịch vụ nước sạch phục vụ sinh hoạt và các nhu cầu sản xuất trên địa bàn huyện Tiên Lăng.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác, xây dựng các công trình trong hệ thống; quản lý vốn và thủy lợi phí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được trình bày theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Đối với các công trình nạo vét kênh, sửa chữa nâng cấp cống theo Quyết định giao của Ủy Ban Nhân dân huyện Tiên Lãng bằng nguồn ngân sách không bao gồm nguồn cấp bù miễn thủy lợi phí, khi hoàn thành được Sở Tài chính thẩm định, sẽ ghi nhận doanh thu và giá vốn, đồng thời ghi nhận tăng nguyên giá đối với các dự án sửa chữa nâng cấp kênh cống theo chỉ phí đã tập hợp và tăng nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	10

Công ty đang thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số tài sản thuộc các loại sau không phải trích khấu hao:

- Tài sản được xây dựng bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước;
- Máy bơm nước từ 8.000m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

3.5 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo số tiền thanh toán thực tế cho bên nhà thầu. Chi phí này bao gồm giá mua, chi phí mua đang tập hợp, chi phí lắp đặt chạy thử, chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thi công xây dựng, chi phí chung của ban quản lý và chi phí đi vay có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu là giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 2 - 3 năm.

3.7 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm tài chính, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm doanh thu từ thủy lợi phí, doanh thu từ hoạt động sửa chữa, tu bổ, nạo vét kênh mương... phục vụ mục đích thủy lợi được cấp từ nguồn ngân sách.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.8 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu từ hoạt động xây dựng, nạo vét kênh mương, tưới tiêu theo đơn đặt hàng của Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng, được ghi nhận dựa trên nguồn vốn ngân sách mà Sở Tài chính thực cấp về hàng năm.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

3.9 GHI NHẬN GIÁ VỐN

Giá vốn công trình sửa chữa, nạo vét kênh mương được xác định bằng doanh thu đã ghi nhận của công trình đã nghiệm thu trong năm.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Các khoản tổn thất hoặc chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không có khả năng thu hồi trong tương lai được xem xét ghi nhận giá vốn hàng bán của kỳ phát sinh nghiệp vụ.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

3.10 THUẾ**Thuế Giá trị gia tăng**

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ. Hoạt động tưới tiêu, nạo vét kênh mương nội đồng không chịu thuế GTGT;

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp của Công ty là 5% (không bao gồm hoạt động nạo, vét kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp từ nguồn thủy lợi phí).

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động khác của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế là 20%. Các khoản thu nhập phát sinh từ dịch vụ tưới, tiêu nước, nạo vét kênh, mương nội đồng không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3.11 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH*****Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	87.004.528	67.633.930
Tiền gửi ngân hàng	223.558.818	6.221.959.501
Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	-
Cộng	4.310.563.346	6.289.593.431

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	246.118.000	-
- Công ty cổ phần Tân Sơn	43.980.000	-
- HTX Thủy sản- dịch vụ môi trường Tiên Lăng	74.472.000	-
- Hộ kinh doanh cá thể (NMN Cấp Tiến, Tiên Minh, Đoàn Lập)	40.798.000	-
- Hộ kinh doanh cá thể (NMN Hùng Thắng)	28.386.000	-
- Công ty TNHH Tân Thanh	18.429.000	-
- Công ty TNHH nước sạch Tây Hưng	1.417.000	-
- Nhà máy nước Bạch Đằng	6.884.000	-
Cộng	246.118.000	-

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
- Tiền bảo hành công trình Tôn cao áp trục, HTMC, RCP mặt dè Tả sông Mới từ K.0 + 000 đến K.0 + 700	3,193,836,705	-	86,589,705	-
- Chờ xử lý (Số liệu từ trước năm 2005)	3,961,705	-	3,961,705	-
- Lãi dự thu	3,189,875,000	-	-	-
Cộng	3,193,836,705	-	86,589,705	-

7. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	436,954,825	-	420,202,772	-
Công cụ, dụng cụ	127,525,793	-	153,705,954	-
Cộng	564,480,618	-	573,908,726	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ

01/01/2017									
- Đầu tư XDCB hoàn thành (*)	125.365.941.000	3.632.576.400	1.552.009.454	302.297.970				130.862.804.907	
- Giảm khác	8.827.949.000	-	-	-				8.827.949.000	
	(3.052.000)	-	-	-				(3.052.000)	
31/12/2017	134.190.838.000	3.632.576.400	1.552.009.454	302.297.970				139.087.901.907	

HAO MÒN LŨY KẾ

01/01/2017	15.860.437.350	1.803.658.204	727.866.454	182.777.000				18.594.679.008	
- Khấu hao trong năm	1.235.750.000	148.285.000	103.020.000	6.262.000				1.493.317.000	
31/12/2017	17.096.187.350	1.951.943.204	830.886.454	189.039.000				20.079.195.008	

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

01/01/2017	109.505.503.733	1.828.918.196	824.223.000	119.680.970				112.278.325.809	
31/12/2017	117.094.650.733	1.680.633.196	721.195.000	113.317.970				119.609.796.806	

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là: 5.316.472.454 đồng (không bao gồm các TSCĐ không phải trích khấu hao).

(*) Đối với các công trình sửa chữa nâng cấp trạm bơm từ Nguồn vốn Đầu tư Xây dựng cơ bản và Nguồn Kinh phí sự nghiệp, Nguồn Thuyết lợi phí của Ủy ban nhân dân TP Hải Phòng, khi hoàn thành được Sở Tài chính TP Hải Phòng thẩm định sẽ được ghi nhận tăng nguyên giá theo chỉ phí đã tập hợp và tăng Văn góp của Chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang				
- Tiền TVKS địa chất PV lập BC nghiên cứu khả thi DA nâng cấp hệ thống Thủy lợi phân vùng tưới tiêu Nam sông mới (lần I)	104.126.383	104.126.383	4.126.383	4.126.383
- Công trình khác	100.000.000	100.000.000	-	-
Cộng	4.126.383	4.126.383	4.126.383	4.126.383
	104.126.383	104.126.383	4.126.383	4.126.383

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dài hạn	75.631.584	93.654.917
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	75.631.584	93.654.917
Cộng	75.631.584	93.654.917

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	3.102.156.611	1.402.153.306
- Sửa chữa kênh xây sau TB cách bề xá 270M TB	178.908.000	-
- Thay cánh van thép cổng Tiên Cựu	101.775.000	-
- Kênh xây tuyến Từ Đồi cách bề xá 130M TB Đông Xuyên Ngoại	261.405.000	-
- Sửa chữa kênh xây sau TB cách bề xá 130M TB Tuấn	258.665.000	-
- Xây dựng cải tạo nâng cấp kênh xây TB Nghĩa Trang	391.742.756	-
- Xây dựng cải tạo nâng cấp kênh xây TB Từ Đồi	427.416.694	-
- Xây dựng cải tạo nâng cấp kênh xây TB Phương Lai	428.091.124	-
- Xây dựng cải tạo nâng cấp kênh xây TB Xuân Trại	426.137.176	-
- Xây dựng cải tạo nâng cấp kênh xây TB Hòa Bình	423.747.861	-
- Sửa chữa giàn van cổng Kim Đới Trong	42.206.000	-
- Thay cánh van thép Đập số 7	57.452.000	-
- Xây tường hoành triệt cửa chia nước TB Sinh Đan	5.143.000	-
- Kênh xây kênh cứng sau TB cách bề xá 870M TB Triều Đông	99.467.000	-
- Trích trước chi phí nạo vét đắp bờ kênh, kênh hút TB Duyên Lão	-	255.466.000
- Chi phí nạo vét đắp bờ kênh, kênh cổng Cói	-	140.581.000
- Chi phí nạo vét đắp bờ kênh, kênh Ba Xã (Tự Tiên)	-	146.791.000
- Chi phí nạo vét đắp bờ kênh, kênh Ba Xã(tuyến Đồng Cách)	-	112.430.000
- Chi phí nạo vét đắp bờ kênh, kênh hút TB Phác Xuyên	-	134.592.000
- Chi phí công trình xây nhà quản lý và CT phụ trợ Cổng Rỗ Cũ	-	237.292.000
- Chi phí công trình xây nhà quản lý và CT phụ trợ Cổng C1	-	247.374.000
- Chi phí nạo vét đắp bờ kênh, kênh Đăng Nam	-	127.627.306
Cộng	3.102.156.611	1.402.153.306

CÔNG TY TNHH MTV KTC T THUY LỢI TIỀN LÃNG

Thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, TP Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỢ/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế tài nguyên
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất
- Các loại thuế khác (thuế môn bài)

Cộng

Thuế và các khoản phải thu

- Thuế và các khoản phải thu nhà nước (Thuế GTGT)

Cộng

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
	28.654.549	49.068.845	30.810.549	46.912.845
	-	53.728.600	53.728.600	-
	-	4.406.810	-	4.406.810
	-	103.882.000	103.882.000	-
	-	3.000.000	3.000.000	-
	<u>28.654.549</u>	<u>214.086.255</u>	<u>191.421.149</u>	<u>51.319.655</u>
	87.222.019	23.009.436	2.265.614	66.478.197
	<u>87.222.019</u>	<u>23.009.436</u>	<u>2.265.614</u>	<u>66.478.197</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	62.688.743	65.550.588
- Tiền giải phóng mặt bằng công Giang Khẩu	54.073.288	54.073.288
- Bảo hiểm xã hội	-	11.477.300
- Tiền bán hồ sơ mời thầu	8.615.455	-
Cộng	62.688.743	65.550.588

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
01/01/2016	110.473.161.671	75.954.890	110.549.116.561
- Tăng vốn trong năm trước	2.996.000.000	-	2.996.000.000
- Lãi trong năm	-	114.626.996	114.626.996
- Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(75.954.890)	(75.954.890)
31/12/2016	113.469.161.671	114.626.996	113.583.788.667
01/01/2017	113.469.161.671	114.626.996	113.583.788.667
- Tăng vốn trong năm nay	100.617.353.000	-	100.617.353.000
- Lãi trong năm	-	182.186.908	182.186.908
- Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(114.626.996)	(114.626.996)
- Giảm trong năm	(3.052.000)	-	(3.052.000)
31/12/2017	214.083.462.671	182.186.908	214.265.649.579

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.730.681.905	27.534.000.000
- Doanh thu Thủy lợi phí	26.290.000.000	27.534.000.000
- Doanh thu cung cấp nước thô	440.681.905	-
Giảm trừ doanh thu	3.636.364	-
- Giảm giá công trình từ các năm trước	3.636.364	-
Doanh thu thuần	26.727.045.541	27.534.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Giá vốn thủy lợi phí	27.908.184.438	25.659.449.583
Cộng	<u>27.908.184.438</u>	<u>25.659.449.583</u>

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.429.491.982	143.103.620
Cộng	<u>3.429.491.982</u>	<u>143.103.620</u>

18. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Thu tiền bán phế liệu	5.207.964	1.634.545
Cộng	<u>5.207.964</u>	<u>1.634.545</u>

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	229.099.753	143.283.745
Các khoản chi phí không được trừ	5.464.472	-
- Phạt chậm nộp bảo hiểm	5.464.472	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	234.564.225	143.283.745
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>46.912.845</u>	<u>28.656.749</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.11.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.310.563.346	6.289.593.431
Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	90.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.439.954.705	86.589.705
Cộng	97.750.518.051	6.376.183.136
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	62.688.743	65.550.588
Chi phí phải trả	3.102.156.611	1.402.153.306
Cộng	3.164.845.354	1.467.703.894
Trạng thái ròng	94.585.672.697	4.908.479.242

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty không chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn do Công ty không có các khoản đầu tư vào công cụ vốn.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi.

Công nợ tài chính	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	62.688.743	-	62.688.743
Chi phí phải trả	3.102.156.611	-	3.102.156.611
Cộng	3.164.845.354	-	3.164.845.354
01/01/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	65.550.588	-	65.550.588
Chi phí phải trả	1.402.153.306	-	1.402.153.306
Cộng	1.467.703.894	-	1.467.703.894

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi.

Tài sản tài chính	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.310.563.346	-	4.310.563.346
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	90.000.000.000	-	90.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.439.954.705	-	3.439.954.705
Cộng	97.750.518.051	-	97.750.518.051
01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.289.593.431	-	6.289.593.431
Phải thu khách hàng và phải thu khác	86.589.705	-	86.589.705
Cộng	6.376.183.136	-	6.376.183.136

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

21. THÔNG TIN SO SÁNH

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Tiên Lăng đã được kiểm toán, sau đó tiếp tục được điều chỉnh bổ sung theo văn bản số 9232/UBND-TC ngày 27/12/2017 của UBND TP Hải Phòng phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 và theo Biên bản thẩm tra báo cáo tài chính năm 2016 của Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng.



Nguyễn Thanh Hải
Chủ tịch kiêm Giám đốc
Tiên Lăng, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thùy Dung
Người lập biểu